TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2021/DS - PT
Ngày: 30/9/2021
V/v "tranh chấp quyền về lối đi qua"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Của

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về *"Tranh chấp quyền về lối đi qua"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS – ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 118/2021/QĐ – PT ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Trần Thị M,* sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà M:* Trần Trúc P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M2, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2021)

- *Bị đơn:*

1. Bùi Văn P, sinh năm 1976;

2. Tô Thị T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Bà Trần Thị M có phần đất ở thửa số 301, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M1. Từ phần đất của bà M muốn ra được lộ công cộng bà M phải qua phần đất của vợ chồng anh P, chị T ở thửa đất số 300, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M1. Trước đây bà M sử dụng lối đi trên đất của vợ chồng P để ra lộ công cộng, nhưng hiện tại phía anh P không cho bà M sử dụng lối đi trên, nên bà M phải đi nhờ lối đi trên thửa đất 302 để ra lộ công cộng. Mặc dù đường đi trên thửa đất 302 mà bà M đang đi thuận tiện hơn để ra lộ công cộng nhưng do sợ sau này phải trả giá trị cho chủ sử dụng thửa đất 302 với số tiền lớn, nên bà M không có khả năng.

Nay yêu cầu vợ chồng P, T mở lối đi cho bà M trên thửa đất số 300a tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại Ấp P, xã A, huyện M1, tỉnh Bến Tre, diện tích 53,4 m^2, có vị trí như hồ sơ trích đo ngày 22/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện M1, bà M đồng ý bồi thường giá trị quyền sử dụng đất như kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện M1, thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản cùng ngày 10/12/2020 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Bùi Văn P và Tô Thị T cùng trình bày:

Về vị trí thửa đất của anh chị và của bà M là đúng như lời trình bày của bà M, nhưng do hiện tại nguyên đơn đã có đường đi khác để ra lộ công cộng tiện lợi hơn như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/12/2020 của Tòa án, và đường đi nguyên đơn yêu cầu cắt ngang trước cửa nhà anh chị, nên không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn. Thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản cùng ngày 10/12/2020 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M1 đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS – ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M1 đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về việc yêu cầu mở lối đi trên thửa đất 300a diện tích 53,4 m^2, tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M1 của chủ sử dụng Bùi Văn P, Tô Thị T, có vị trí như hồ sơ trích đo ngày 22/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện M1 (có bản vẽ kèm theo)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/01/2021 bà Trần Thị M kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu chấp nhận khởi kiện của bà vì lối đi này là lối đi bà sử dụng

từ trước đến nay do bà Nguyễn Thị T1 (mẹ chồng bà M) đồng ý cho bà sử dụng vĩnh viễn. Khoảng năm 1990, bà M thi hành án trả cho bà T1 một phần diện tích 79,25 m^2 ở phía ngoài, bà M dời nhà vào phần đất bên trong nên được bà T1 hứa chừa lối đi tại vị trí bà M yêu cầu. Thửa 302 của ông Lê Văn N không có lối đi hiện hữu, ông N cũng không cho bà đi nên cấp sơ thẩm cho rằng lối đi trên 302 thuận tiện hơn là không đúng. Bà yêu cầu được sử dụng lối đi trên thửa đất 300a diện tích 53,4 m^2, tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M1 của chủ sử dụng Bùi Văn P, Tô Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn vì cho rằng lối đi trước nay không tồn tại, bà M đã có lối đi khác, lối đi mà bà M yêu cầu là ngay trước cửa nhà bị đơn, sử dụng chung cổng với bị đơn nên bị đơn không đồng ý. Nguyên đơn bà M chỉ yêu cầu mở lối đi cho bà đi lại, chiều ngang có thể nhỏ hơn 2m bà vẫn đồng ý, ngoài lối đi yêu cầu thì bà M không còn lối đi khác, lối đi qua thửa 302 của ông N chỉ là lối đi tạm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị M là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ 31, tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M1 bị vây bọc bởi các bất động sản khác thuộc các thửa 300, 302 và 321, cùng tờ bản đồ số 31, không có lối đi ra lộ công cộng nên bà M khởi kiện yêu cầu mở lối đi là phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà M về mở lối đi trên thửa đất được ký hiệu 300a diện tích 53,4 m^2, tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M1 của chủ sử dụng Bùi Văn P, Tô Thị T, thấy rằng:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện M1 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, thể hiện lối đi mà bà M yêu cầu đi ngang cửa nhà anh P, chị T, qua cổng nhà bị đơn để ra lộ công cộng. Bà M trình bày trước đây, bà M thi hành án trả cho bà T1 (mẹ chồng bà M, bà nội anh P) một phần diện tích 79,25 m^2 ở phía ngoài, bà M dời nhà vào phần đất bên trong nên được bà T1 hứa chừa lối đi tại vị trí bà M yêu cầu, bà M đã sử dụng lối đi trên đất của vợ chồng P để ra lộ công cộng từ lâu, nhưng hiện tại

phía anh P không cho bà M sử dụng lối đi trên. Tuy nhiên, theo biên bản về việc đo đạc giao đất thi hành án ngày 30/9/2005, thể hiện bà M cam kết tự nguyện giao đất cho bà Nguyễn Thị T1 diện tích 79,25 m^2, không có thể hiện việc bà T1 chừa lối đi cho bà M. Bà M cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh là bà T1 có dành cho bà M một phần diện tích đất để làm lối đi như lời bà trình bày. Theo biên bản xác minh với cán bộ tư pháp xã vào thời điểm thi hành án, cán bộ địa phương cho biết mặc dù biên bản đo đạc không thể hiện bà T1 có chừa lối đi cho bà M hay không nhưng sự thật khách quan thì nếu có cho đất phía trong thì phải chừa đường đi cho bà M, việc hai bên có thỏa thuận miệng với nhau hay không thì địa phương không rõ. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở xác định lối đi mà bà M yêu cầu không phải là lối đi hiện hữu từ trước đến nay, lối đi này cũng gây bất lợi cho phía gia đình bị đơn vì lối đi này sử dụng chung cổng nhà với bị đơn. Mặt khác, bà M hiện đang sử dụng lối đi trên thửa 302, tờ bản đồ số 31. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ, kháng cáo của bà M không có cơ sở nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Bà Trần Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS – ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M1.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về việc yêu cầu mở lối đi trên phần đất được ký hiệu thửa 300a diện tích 53,4 m^2, tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M1 của chủ sử dụng Bùi Văn P, Tô Thị T, có vị trí như hồ sơ trích đo ngày 22/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện M1 (có bản vẽ kèm theo).

2. Chi phí tố tụng: Bà Trần Thị M phải chịu 1.423.000 đồng và đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M được miễn án phí.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị M được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M1;
- Chi cục THADS huyện M1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Kim Của